

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/02/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương
2. Ông Trần Văn Thơi

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. - Có đơn xin xét xử vắng mặt

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. - vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Qua quen biết vào năm 1992 bà H và ông H1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/9/1997. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc nhưng kéo dài đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân vào tháng 01/2022 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo bà H trình bày là do ông H1

không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Đồng thời, ông H1 còn hay ghen tuông vô cớ và nhiều lần có hành vi bạo lực với bà, bà H có khuyến ngăn nhưng ông H1 không thay đổi. Hiện nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông H1 không còn nữa nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 07/11/1993 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 29/10/2009, cháu M có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà H sau khi bà H và ông H1 ly h. Hiện nay các cháu đang sống với bà H tại ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Xuân M1, sinh ngày 29/10/2009 và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1993 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt do bận việc buôn bán. Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông H1. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Xuân M1, sinh ngày 29/10/2009 và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1993 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Phần ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn H1: Do ông H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của ông H1. Ông H1 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt không lý do. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai. Ngày 10/01/2024 bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H

Bị đơn ông **Nguyễn Văn H1** đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **H1**

[3] Xét về hôn nhân: Sau thời gian quen biết bà **H** và ông **H1** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/1997 tại Ủy ban nhân dân huyện **T**, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp nên việc bà **H** yêu cầu giải quyết ly hôn với ông **H1** là có cơ sở xem xét.

[-] Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà **H** trình bày là do ông **H1** không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Đồng thời, ông **H1** còn hay ghen tuông vô cớ và nhiều lần có hành vi bạo lực với bà, bà **H** có khuyên ngăn nhưng ông **H1** không thay đổi cho nên vợ chồng rạn nứt tình cảm và ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các bên hòa giải để về đoàn tụ lại với nhau thì Tòa án đã nhiều lần mời ông **H1** về Tòa án dự hòa giải cũng như làm rõ ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà **H** nhưng ông **H1** không đến. Đến khi Tòa án thông báo cho ông **H1** biết ngày đưa vụ án ra xét xử thì ông **H1** vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này, cho thấy rằng ông **H1** không có thành ý hàn gắn tình cảm với bà **H**, bỏ trôi sự việc mặc nhiên để Tòa án giải quyết sự việc theo yêu cầu của bà **H**. Phía bà **H** xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông **H1** không còn nữa nên giữ yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Văn H1**.

Từ những cơ sở trên, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **H1** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian ly thân vợ chồng không tự đoàn tụ được với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị Xuân H** đối với ông **Nguyễn Văn H1**.

[4] Về con chung: Bà **H** trình bày vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh ngày 07/11/1993 và **Nguyễn Xuân M1**, sinh ngày 29/10/2009. Cháu **Xuân M1** có nguyện vọng được sống với bà **H** sau khi bà **H** và ông **Hải ly t h**. Từ khi ly thân đến nay, cháu **Xuân M1** đang sống với bà **H**, bà **H** yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu **Xuân M1**, không yêu cầu ông **H1** cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm 1993 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[-] Đối với yêu cầu nuôi con chung của bà **H**: Từ khi bà **H** và ông **Hải ly t** đến nay cháu **Xuân M1** do bà **H** chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đã ổn định việc học, hoà nhập với môi trường sống hiện tại. Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo ổn định cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý một cách toàn diện cho cháu thì việc giao cháu **Xuân M1** bà **Nguyễn Thị Xuân H** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Đồng thời, cũng đúng theo nguyện vọng của cháu **Xuân M1** và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về phía ông **H1** thì Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông **Nguyễn Văn H1** đến Tòa án để làm rõ ý kiến của ông **H1** đối với yêu cầu nuôi con của bà **H** nhưng ông **H1** nhiều lần vắng mặt không rõ lý do xem như đã tự mình từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ.

[-] Vì vậy, Căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu **Xuân M1**. Hội đồng xét xử, xét chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà **Nguyễn Thị Xuân H**. Giao con chung tên **Nguyễn Xuân M1**, sinh ngày 29/10/2009 cho bà **H** tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng con chung tên **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm 1993 đã trưởng thành bà **H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[-] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông **H1** vắng mặt. Bà **H** không yêu cầu ông **H1** cấp dưỡng nuôi cháu **Xuân M1** nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[-] Ông **Nguyễn Văn H1** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[-] Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông **H1** vắng mặt. Bà **H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Bà **Nguyễn Thị Xuân H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000357, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Xuân H**

1.1 Về hôn nhân: Cho bà **Nguyễn Thị Xuân H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn H1**

1.2 Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Xuân M1**, sinh ngày 29/10/2009 cho bà **Nguyễn Thị Xuân H** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng cháu **Nguyễn Thị**

Kim Y, sinh năm 1993 đã trưởng thành, bà **H** không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông **Nguyễn Văn H1** vắng mặt. Bà **Nguyễn Thị Xuân H** không yêu cầu ông **H1** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Ông **Nguyễn Văn H1** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Do ông **Nguyễn Văn H1** vắng mặt. Bà **Nguyễn Thị Xuân H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà **Nguyễn Thị Xuân H** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000357, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Kim Liên